TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG PẮC** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **52**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 8 - 2024
V/v Không công nhận quan hệ là vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà H'Năm Bkrông.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Viết Chấn, bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Lường – Là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thùy Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 243/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Ngọc Quỳnh T, sinh năm 1991; HKTT: Thôn Đ, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Tạm trú: Buôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở hiện nay: đường L, TDP 14, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Anh Lê Thanh N, sinh năm 1990; HKTT: Buôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở hiện nay: đường L, TDP 14, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

(Đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Ngọc Quỳnh T trình bày: Chị T và anh Lê Thanh N chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2017 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình sinh sống hạnh phúc đến cuối năm 2023 thì chị T và anh N phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, bất đồng về kinh tế nên chị T, anh N không sống với nhau cho đến nay. Hai bên cũng nhiều lần nói chuyện với nhau để hàn gắn chuyện tình cảm nhưng không thành. Nay chị T thấy tình cảm của chị T và anh N đã không còn, không ai muốn cố gắng hàn gắn tình cảm để cùng nhau nuôi dạy con. Mặt khác, chị T và anh N không đăng ký kết hôn theo quy định

của pháp luật. Vì vậy, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị T và anh Lê Thanh N là vợ chồng.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu Lê Mạnh Q, sinh ngày 13/01/2018. Nguyện vọng của chị T xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Thanh N trình bày: Anh N và chị Trần Ngọc Quỳnh T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2017 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình sinh sống hạnh phúc đến cuối năm 2023 thì anh N và chị T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, bất đồng về kinh tế nên anh N, chị T không sống với nhau cho đến nay. Hai bên cũng nhiều lần nói chuyện với nhau để hàn gắn chuyện tình cảm nhưng không thành. Nay anh N thấy tình cảm của anh N và chị T đã không còn, không ai muốn cố gắng hàn gắn tình cảm để cùng nhau nuôi dạy con. Mặt khác, anh N và chị T không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị T và anh N là vợ chồng thì anh N đồng ý.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu Lê Mạnh Q, sinh ngày 13/01/2018. Do chị T có nguyện vọng được nuôi con chung nên anh N đồng ý giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***** *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Áp dụng khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm c mục 3 Nghị Quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội. Đề nghị HĐXX Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Ngọc Quỳnh T. Về hôn nhân: Tuyên không công nhận chị Trần Ngọc Quỳnh T và anh Lê Thanh N là vợ chồng; Về con chung: Giao cháu Lê Mạnh Q, sinh ngày 13/01/2018 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; Về tài sản chung, nợ

chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là Không công nhận quan hệ là vợ chồng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn cư trú tại huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

Tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất nguyên đơn chị Trần Ngọc Quỳnh T, bị đơn anh Lê Thanh N vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Ngọc Quỳnh T với anh Lê Thanh N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2017, anh chị có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Chị T có yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ là vợ chồng giữa chị T và anh N. Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu của chị T, tuyên bố không công nhận quan hệ là vợ chồng giữa chị Trần Ngọc Quỳnh T với anh Lê Thanh N.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung là cháu Lê Mạnh Q, sinh ngày 13/01/2018. Quá trình giải quyết vụ án, chị T có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung, anh N cũng đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, HĐXX xét thấy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX cần giao cháu Q cho chị Trần Ngọc Quỳnh T nuôi dưỡng là phù hợp với pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Trần Ngọc Quỳnh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 7 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Ngọc Quỳnh T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ là vợ chồng giữa chị Trần Ngọc Quỳnh T với anh Lê Thanh N.

1.2. Về con chung: Giao cháu Lê Mạnh Q, sinh ngày 13/01/2018 cho chị Trần Ngọc Quỳnh T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Anh Lê Thanh N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu giải quyết.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Trần Ngọc Quỳnh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0005862 ngày 26/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc.

3. Thông báo quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ Tọa phiên tòa

(Đã ký)

H'Năm Bkrông